TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 05 - 2025
V/v: "Tranh chấp xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Thùy Linh**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Mai Văn Bé Em**

2. Ông Trần Trung Dũng

Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Tuấn** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Ông Trần Công Đỉnh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 05 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025, về việc "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 04 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2025/QĐST-HN ngày 28 tháng 04 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Diễm H, sinh ngày 30/11/1978 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 63 đường C, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 18 đường S, phường H2, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Lương Văn H1, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 63 đường C, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 30/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm H trình bày:*** Chị H và anh H1 tự nguyện tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố G, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 13/01/2000. Sau khi kết hôn hai vợ chồng tôi về sống cùng gia đình chồng tại địa chỉ số 63 đường C, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến sinh sinh người con chung thứ nhất thì bắt đầu phát sinh

mâu thuẫn. Đến năm 2022 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân. Tháng 03/2024 thì chị H dọn ra ngoài sinh sống đến nay.

Lý do xin ly hôn: Do tính tính vợ chồng không hoà hợp, luôn bất đồng quan điểm trong cách sống từ đó vợ chồng thường xuyên cự cải. Ngoài ra, anh H1 còn có người phụ nữ khác bên ngoài và tham gia vào cờ bạc. Mặc dù vợ chồng cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng không thành. Nay thấy cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Diễm H xác định vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Lương Ngọc T, sinh ngày 07/10/2000 và Lương Gia H3, sinh ngày 12/09/2002. Các con đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Diễm H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Diễm H xác định không còn tình cảm yêu thương với anh Lương Văn H1 và yêu cầu được ly hôn với anh H1; Về con chung; Tài sản chung, nợ chung: Chị chị H giữ nguyên lời trình bày theo đơn khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Lương Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có yêu cầu phản tố và không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G phát biểu ý kiến:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng anh Lương Văn H1 không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm H được ly hôn với anh Lương Văn H1. Về con chung; Tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình đề nghị buộc nguyên đơn chị H nộp 300.000 đồng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm H khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Lương Văn H1 và anh H1 là bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại thành phố G, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án xác định

quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp xin ly hôn"; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố G.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lương Văn H1 không có ý kiến trình bày về đơn khởi kiện xin ly hôn của chị H tại Tòa án. Tuy nhiên, Toà án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự như: Giao thông báo thụ lý vụ án và tống đạt hợp lệ các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử; nhưng anh H1 cố tình tránh mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị H yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn anh H1 theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt anh H1.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Diễm H và anh Lương Văn H1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện; Có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được UBND phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 13/01/2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh H1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng chị H và anh H1 không còn yêu thương, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Bởi lẻ, chị H xác định sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, thời gian sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, Do tính tính vợ chồng không hoà hợp, luôn bất đồng quan điểm trong cách sống từ đó vợ chồng thường xuyên cự cải. Ngoài ra, chị H cho rằng anh H1 còn có người phụ nữ khác bên ngoài và tham gia vào cờ bạc. Mâu thuẫn kéo dài đến năm 2022 thì vợ chồng sống ly thân. Đến tháng 03/2024 chị H dọn ra ngoài sinh sống đến nay. Trong khoảng thời gian chị H, anh H1 sống ly thân anh, chị không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó".* Anh H1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh H1 không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của chị H cũng như chứng cứ do chị H cung cấp.

Từ đó cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và chị H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh H1 là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh H1.

[5] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Diễm H xác định vợ chồng chung sống 02 người con chung tên Lương Ngọc T, sinh ngày 07/10/2000 và Lương Gia H3, sinh ngày 12/09/2002. Hiện nay các con đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bé H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh H1 không có ý kiến trình bày tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này anh H1 có tranh chấp về các vấn đề trên thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Diễm H là nguyên đơn nên pH1 chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Diễm H được ly hôn với anh Lương Văn H1.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Diễm H xác định vợ chồng chung sống 02 người con chung tên Lương Ngọc T, sinh ngày 07/10/2000 và Lương Gia H3, sinh ngày 12/09/2002. Hiện nay các con đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Diễm H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Diễm H phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, chị H được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008000 ngày 03/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14/05/2025), đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Thùy Linh

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. G;
- Chi cục THA dân sự TP. G;
- Các đương sự;
- Nơi thực hiện ĐKKH:
  UBND phường Vĩnh Thanh Vân;
- Lưu hồ sơ vụ án.